**Thứ hai ngày 4 tháng 10 năm 2021**

***Tập đọc***

**MỘT CHUYÊN GIA MÁY XÚC**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức*:** Hiểu nội dung: Tình hữu nghị của chuyên gia nước bạn với công nhân Việt Nam. ( Trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3).

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, bảng phụ viết sẵn đoạn cần hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm.

- HS: SGK

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - HS đọc  - Trả lời câu hỏi  - Lớp nhận xét  - HS ghi vở | - Cho HS thi đọc thuộc lòng bài thơ "Bài ca về trái đất"  - Nêu câu hỏi  - GV đánh giá  - Giới thiệu bài- Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức: (12 phút)** | |
| - 1 HS đọc bài.  - Nhóm trưởng điều khiển:  + HS đọc nối tiếp đoạn văn lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó.  - HS đọc nối tiếp đoạn văn lần 2 kết hợp luyện đọc câu khó.  - 1 học sinh đọc.  - Học sinh luyện đọc theo cặp  - 1 học sinh đọc toàn bài  - Lớp theo dõi. | ***-***Gọi HS đọc toàn bài, chia đoạn  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp trong nhóm  - Lưu ý ngắt câu dài: Thế là / A-lếch-xây đưa bàn tay vừa to/vừa chắc ra / nắm lấy bàn tay dầu mỡ của tôi lắc mạnh và nói.  - Yêu cầu HS đọc chú thích.  - Luyện đọc theo cặp.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV đọc mẫu toàn bài.  + Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, đắm thắm  + Đoạn đối thoại thân mật, hồ hởi. |
| **3. Hoạt động thực hành: (7 phút)** | |
| - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận trả lời câu hỏi rồi chia sẻ trước lớp  - Ở công trường xây dựng  - Vóc dáng cao lớn, mái tóc vàng óng, ửng lên như một mảng nắng, thân hình chắc và khoẻ trong bộ quần áo xanh công nhân khuôn mặt to chất phát.  - Cuộc gặp gỡ giữa 2 người đồng nghiệp rất cởi mở và thân mật, nhìn nhau bằng  bằng bàn tay đầy dầu mỡ.  - Chi tiết tả anh A-lếch-xây khi xuất hiện ở công trường chân thực. Anh A-lếch-xây được miêu tả đầy thiện cảm.  - Tình cảm chân thành của một chuyên gia nước bạn với một công nhân Việt Nam qua đó thể hiện tình cảm hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới.  - Học sinh nêu lại nội dung bài | - Cho HS thảo luận nhóm, đọc bài, trả lời câu hỏi sau đó chia sẻ trước lớp  ***+*** Anh Thuỷ gặp anh A-lêch-xây ở đâu?  + Dáng vẻ của A-lêch-xây có gì đặc biệt khiến anh Thuỷ chú ý?  + Dáng vẻ của A-lêch-xây gợi cho tác giả cảm nghĩ gì?  + Chi tiết nào trong bài làm cho em nhớ nhất? Vì sao?  + Bài tập đọc nêu nên điều gì?  - GVKL: |
| **Luyện đọc hay:(5 phút)** | |
| - 4 HS nối tiếp đọc hết bài  - Dựa vào nội dung từng đoạn nêu giọng đọc cho phù hợp  - Học sinh nghe phát hiện chỗ ngắt giọng và nhấn giọng  - HS luyện đọc theo cặp  - 3 Học sinh thi đọc diễn cảm đoạn 4.  - HS nghe | - Gọi HS đọc nối tiếp bài.  - GV đọc mẫu :  + Thế là /A-lếch-xây... vừa to/ vừa chắc đưa ra/ nắm lấy..... tôi  + Lời A-lếch-xây thân mật cởi mở.  - Luyện đọc theo cặp  - Tổ chức cho HS đọc diễn cảm thi.  - GV nhận xét, đánh giá |
| **4. Hoạt động vận dụng:(3 phút)** | |
| - Câu chuyện giữa anh Thuỷ và A-lếch-xây gợi cho em cảm nghĩ gì ? | - Học sinh trả lời. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

---------------------------------------------------------------

***Toán***

**ÔN TẬP: BẢNG ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***: Biết tên gọi, kí hiệu và quan hệ của các đơn vị đo độ dài thông dụng.

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng**

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK, vở...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |  |
| - Hát  - HS nghe | | - Ổn định tổ chức  -Giới thiệu bài - ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (25 phút)** | | |
| **Bài 1:**  - HS đọc yêu cầu đề bài.  - Thảo luận cặp, hoàn thiện bảng đơn vị đo độ dài.  - HS báo cáo kết quả, lớp theo dõi, nhận xét.  - 2HS nêu, lớp nhận xét  **Bài 2**(a, c): **HĐ cá nhân**  - Viết số thích hợp vào chỗ trống  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ   |  |  | | --- | --- | | 135m = 1350dm  342dm = 3420cm  15cm = 150mm | 1mm= cm  1cm = m  1m = km |   **Bài 3:** **HĐ cá nhân**  - HS nêu  - HS chia sẻ  4km 37m = 4037m; 354 dm = 34m 4dm  8m 12cm = 812cm; 3040m = 3km 40m | **Bài 1:** **HĐ cặp đôi**  - Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, điền đầy đủ vào bảng đơn vị đo độ dài.  - Gọi HS báo cáo kết quả thảo luận.  - Yêu cầu HS dựa vào bảng nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo trong bảng.  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài tập vào vở.  - Gọi HS nhận nhận xét.  GV đánh giá  - Gọi HS nêu đề bài  - Yêu cầu HS làm bài  - Yêu cầu HS nêu cách đổi.  - Chữa bài, nhận xét bài làm. | |
| **3. Hoạt động vận dụng: (4 phút)** | | |
| - HS đọc bài toán  - HS làm bài  ***Giải:***  *Đổi : 4 dam = 40 m.*  *Nửa chu vi thửa ruộng là :*  *480 : 2 = 240 (m)*  *Chiều rộng thửa ruộng là :*  *(240 – 40) : 2 = 100 (m)*  *Chiều dài thửa ruộng là :*  *100 + 40 = 140 (m)*  *Diện tích thửa ruộng là :*  *140  100 = 1400 (m2)*  *Đáp số : 1400 m2* | - Cho HS vận dụng kiến thức làm bài tập sau:  *Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 480m, chiều dài hơn chiều rộng là 4 dam. Tìm diện tích hình chữa nhật.* | |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

-------------------------------------------------------

***Chính tả***

***Nghe - viết* *:* MỘT CHUYÊN GIA MÁY XÚC**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:*** Viết đúng bài chính tả, biết trình bày đúng đoạn văn.

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn mô hình cấu tạo vần. Phấn mầu.

- HS: SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1.Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - HS thi điền  - HS nghe  - HS viết vở | - Cho HS thi viết số từ khó, điền vào bảng mô hình cấu tạo từ các tiếng: *tiến, biển, bìa, mía.*  - GV đánh giá  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. HĐ hình thành kiến thức *(7 phút)*** | |
| - Học sinh đọc thầm bài chính tả.  - Cao lớn, mái tóc vàng óng, ửng lên một mảng nắng, thân hình chắc khoẻ, khuôn mặt to chất phát gợi lên nét giản dị, thân mật.  - Học sinh nêu: *buồng máy, ngoại quốc, công trường, khoẻ, chất phác, giản dị.*  - 3 em viết bảng, lớp viết nháp | \*Tìm hiểu nội dung đoạn viết.  - GV đọc toàn bài.  - Dáng vẻ người ngoại quốc này có gì đặc biệt?  \*Hướng dẫn viết từ khó :  - Trong bài có từ nào khó viết ?  - GV đọc từ khó cho học sinh viết. |
| **3. HĐ thực hành *(15 phút)*** | |
| .- HS theo dõi.  - HS viết bài | - GV đọc lần 1.  - GV đọc lần 2 cho HS viết bài |
| - Học sinh soát lỗi.  - Đổi vở soát lỗi | .- GV đọc soát lỗi  - Chấm 7-10 bài, chữa lỗi |
| **HĐ làm bài tập: *(8 phút)*** | |
| **Bài 2: HĐ cá nhân**  - 2 HS đọc nối tiếp trước lớp.  - Lớp làm vở.  - Các tiếng chứa *uô*: cuốn, cuộc, buôn, muốn,  - Các tiếng có chứa *ua*: của; múa  - Tiếng chứa *ua* dấu thanh đặt ở chữ cái đầu âm chính *ua* là chữ *u*.  - Tiếng chứa *uô* dấu thanh đặt ở chữ cái thứ 2 của âm chính *uô* là chữ *ô*.  **Bài 3:** **HĐ nhóm**  - 1 HS đọc thành tiếng trước lớp.  - HS thảo luận nhóm đôi làm bài.  + Muôn người như một (mọi người đoàn  kết một lòng)  + Chậm như rùa (quá chậm chạp)  + Ngang như cua (tính tình gàn dở khó nói chuyện, khó thống nhất ý kiến)  + Cày sâu cuốc bẫm (chăm chỉ làm việc ruộng đồng) | - Yêu cầu HS đọc yêu cầu nội dung bài tập  - Yêu cầu học sinh tự làm bài  - Em có nhận xét gì về cách ghi dấu thanh trong mỗi tiếng em vừa tìm được?  - GV nhận xét, đánh giá  - Yêu cầu HS làm bài tập theo nhóm  - Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày.  - GV nhận xét và sửa câu thành ngữ, ý chưa đúng. |
| **4. HĐ vận dụng: *(3 phút)*** | |
| - HS trả lời | - Em hãy nêu quy tắc đánh dấu thanh của các tiếng: *lúa, của, mùa, chùa* |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

-------------------------------------------------------------

***Khoa học***

**THỰC HÀNH: NÓI “KHÔNG !” ĐỐI VỚI CÁC CHẤT GÂY NGHIỆN(T1)**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức*:** Nêu được một số tác hại của ma túy, thuốc lá, rượu bia.

***2. Năng lực:*** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Trung thực, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng**

- GV: Phiếu HT-Tranh SGK

- HS: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:** (5 phút) | |
| - Chia lớp thành 2 đội chơi, một đội nêu việc nên làm, một đội nêu việc không nên làm    - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung: Nêu những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ sức khoẻ tuổi dậy thì.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài mới:Thực hành: Nói “Không !” đối với các chất gây nghiện |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**: (27 phút) | |
| - Nhóm 1 + 2: Tìm hiểu và sưu tầm các thông tin về tác hại của thuốc lá.  - Nhóm 3 + 4: Tìm hiểu và sưu tầm các thông tin về tác hại của rượu, bia  - Nhóm 5 + 6: Tìm hiểu và sưu tầm các thông tin về tác hại của ma tuý.  - Nhóm trưởng cùng các bạn xử lí các thông tin đã thu thập trình bày theo gợi ý  - Các nhóm dùng bút dạ hoặc cắt dán để viết tóm tắt lại những thông tin đã sưu tầm được trên giấy khổ to theo dàn ý trên.  - Từng nhóm treo sản phẩm của nhóm mình và cử người trình bày.  - Các nhóm khác hỏi, bổ sung ý  \* Hút thuốc lá có hại gì?  1. Thuốc lá là chất gây nghiện.  2. Có hại cho sức khỏe người hút: bệnh đường hô hấp, bệnh tim mạch, bệnh ung thư…  3. Tốn tiền, ảnh hưởng kinh tế gia đình, đất nước.  4. Ảnh hưởng đến sức khỏe người xung quanh.  \* Uống rượu, bia có hại gì?  1. Rượu, bia là chất gây nghiện.  2. Có hại cho sức khỏe người uống: bệnh đường tiêu hóa, bệnh tim mạch, bệnh thần kinh, hủy hoại cơ bắp…  3. Hại đến nhân cách người nghiện.  4. Tốn tiền ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, đất nước.  5. Ảnh hưởng đến người xung quanh hay gây lộn, vi phạm pháp luật…  \* Sử dụng ma túy có hại gì?  1. Ma túy chỉ dùng thử 1 lần đã nghiện.  2. Có hại cho sức khỏe người nghiện hút: sức khỏe bị hủy hoại, mất khả năng lao động, tổn hại thần kinh, dùng chung bơm tiêm có thể bị HIV, viêm gan B → quá liều sẽ chết.  3. Có hại đến nhân cách người nghiện: ăn cắp, cướp của, giết người.  4. Tốn tiên, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, đất nước.  5. Ảnh hưởng đến mọi người xung quanh: tội phạm gia tăng.  - Hoạt động cả lớp, cá nhân, nhóm    - HS tham gia sưu tầm thông tin về tác hại của thuốc lá sẽ chỉ được bốc thăm ở hộp 2 và 3. Những HS đã tham gia sưu tầm thông tin về tác hại của rượu, bia chỉ được bốc thăm ở hộp 1 và 3. Những HS đã tham gia sưu tầm thông tin về tác hại của ma túy sẽ chỉ được bốc thăm ở hộp 1 và 2.  - Đại diện các nhóm lên bốc thăm và trả lời câu hỏi. | **\* Hoạt động 1:** Thực hành xử lí thông tin  **+ Bước 1:** Tổ chức, giao nhiệm vụ  - GV chia lớp thành 6 nhóm  - GV yêu cầu các nhóm tập hợp tài liệu thu thập được về từng vấn đề để sắp xếp, trình bày  **+ Bước 2:** Các nhóm làm việc  Gợi ý:  - Tác hại đối với người sử dụng  - Tác hại đối với người xung quanh.  - Tác hại đến kinh tế.  • GV chốt: Thuốc lá còn gây ô nhiễm môi trường.  • GV chốt: Uống bia cũng có hại như uống rượu. Lượng cồn vào cơ thể khi đó sẽ lớn hơn so với lượng cồn vào cơ thể khi uống ít rượu.  • GV chốt:  - Rượu, bia, thuốc lá, ma túy đều là chất gây nghiện. Sử dụng, buôn bán ma túy là phạm pháp.  - Các chất gây nghiện đều gây hại cho sức khỏe người sử dụng, ảnh hưởng đến mọi người xung quanh. Làm mất trật tự xã hội.  **\* Hoạt động 2:** Trò chơi “Bốc thăm trả lời câu hỏi”  **+ Bước 1:** Tổ chức và hướng dẫn  - Chuẩn bị sẵn 3 hộp đựng phiếu. Hộp 1 đựng các câu hỏi liên quan đến tác hại của thuốc lá, hộp 2 đựng các câu hỏi liên quan đến tác hại của rượu, bia, hộp 3 đựng các câu hỏi liên quan đến tác hại của ma túy.  **+ Bước 2:**  - GV nhận xét  - Tuyên dương nhóm thắng cuộc. |
| **3. Hoạt động vận dụng:** (3phút) | |
| - Nếu một bạn rủ em dùng chất kích thích, em sẽ làm gì để từ chối ? | - HS nêu |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... -------------------------------------------------------

***Đạo đức***

**CÓ CHÍ THÌ NÊN (tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***: Biết được một số biểu hiện cơ bản của người sống có ý chí.

***2. Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

**3. Phẩm chất:** Trách nhiệm, chăm chỉ

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng:**

- Giáo viên: Một số mẩu chuyện về những tấm gương vượt khó như Nguyễn Ngọc Kí. Nguyễn Đức Trung...

- Học sinh: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:** (5 phút) | |
| - HS hát  - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS hát  - Yêu cầu HS nêu ghi nhớ của bài học trước  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**: (28 phút) | |
| - HS đọc SGK 1 HS đọc to cả lớp cùng nghe.  - HS đọc câu hỏi trong SGK và trả lời  - Nhà nghèo, đông anh em, cha hay đau ốm, hàng ngày còn phải gúp mẹ bán bán bánh mì.  - Đồng đã sử dụng thời gian hợp lí và phương pháp học tập tốt. Nên suốt 12 năm học Đồng luôn luôn là học sinh giỏi. Đỗ thủ khoa, được nhận học bổng Nguyễn Thái Bình,  - Em học tập được ở Đồng ý chí vượt khó trong học tập, phấn đấu vươn lên  trong mọi hoàn cảnh .  - Các nhóm thảo luận  - Đại diện nhóm lên trình bày ý kiến của nhóm  - Lớp nhận xét bổ sung.  - HS thảo luận nhóm 2  - HS giơ thẻ theo quy ước  - HS đọc ghi nhớ | **\* Hoạt động 1:** *HS tìm hiểu thông tin về tấm gương vượt khó của Trần Bảo Đồng.*  - Yêu cầu HS đọc thông tin về Trần Bảo Đồng trong SGK  - Yêu cầu HS thảo luận cả lớp theo câu hỏi trong SGK.  *+ Trần Bảo Đồng đã gặp những khó khăn gì trong cuộc sống và trong học tập?*  *+ Trần Bảo Đồng đã vượt khó khăn để vươn lên như thế nào?*  *+ Em học tập được những gì từ tấm gương đó?*  - KL: Từ tấm gương Trần Bảo Đồng ta thấy: Dù gặp phải hoàn cảnh rất khó khăn, nhưng nếu có quyết tâm cao và biết sắp xếp thời gian hợp lí thì vẫn có thể vừa học tốt vừa giúp được gia đình mọi việc.  **\* Hoạt động 2**: *Xử lí tình huống*  - GV chia lớp thành nhóm 4. Mỗi nhóm thảo luận 1 tình huống  + Tình huống 1: Đang học lớp 5, một tai nạn bất ngờ đã cướp đi của Khôi đôi chân khiến em không thể đi được. Trong hoàn cảnh đó, Khôi có thể sẽ như thế nào?  + Tình huống 2: Nhà Thiên rất nghèo, vừa qua lại bị lũ lụt cuốn trôi hết nhà cửa đồ đạc. Theo em, trong hoàn cảnh đó, Thiên có thể làm gì để có thể tiếp tục đi học.  **- GV:** Trong những tình huống trên, người ta có thể tuyệt vọng, chán nản, bỏ học... biết vượt qua mọi khó khăn để sống và tiếp tục học tập mới là người có chí.  **\* Hoạt động 3:** Làm bài tập 1-2 Trong SGK  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2  - GV nêu lần lượt từng trường hợp, HS giơ thẻ màu thể hiện sự đánh giá của mình  **Bài 1:** Những trường hợp dưới đây là biểu hiện của người có ý chí?  + Nguyễn Ngọc Kí bị liệt cả 2 tay, phải dùng chân để viết mà vẫn học giỏi.  + Dù phải trèo đèo lội suối, vượt đường xa để đến trường nhưng mai vẫn đi học đều.  + Vụ lúa này nhà bạn Phương mất mùa nên có khó khăn, Phương liền bỏ học.  + Chữ bạn Hiếu rất xấu nhưng sau 2 năm kiên trì rèn luyện chữ viết, nay Hiếu viết vừa đẹp, vừa nhanh.  **Bài 2:** Em có nhận xét gì về những ý kiến dưới đây?  + Những người khuyết tật dù cố gắng học hành cũng chẳng để làm gì.  + "Có công mài sắt có ngày nên kim"  + Chỉ con nhà nghèo mới cần có chí vượt khó, còn con nhà giàu thì không cần.  + Con trai mới cần có chí.  + Kiên trì sửa chữa bằng được một khiếm khuyết của bản thân (nói ngọng, nói lắp...) cũng là người có chí.  - KL: Các em đã phân biệt rõ đâu là biểu hiện của người có ý chí. Những biểu hiện đó được thể hiện trong cả việc nhỏ và việc lớn, trong cả học tập và đời sống. |
| **3. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - HS nêu | - Qua bài học này, em học được điều gì ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

-----------------------------------------------------------------------------------------------------

**Thứ ba ngày tháng năm 2021**

***Toán***

**ÔN TẬP: BẢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:*** Biết tên gọi , kí hiệu và quan hệ của các đơn vị đo độ dài thông dụng .

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng**

- GV: SGK, Bảng phụ viết sẵn nội dụng bài tập 1

- HS : SGK, bảng con...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - HS chơi    - Học sinh lắng nghe.  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "truyền điện" nêu các dạng đổi:  + Đổi từ đơn vị lớn đến đơn vị bé  + Đổi từ đơnvị bé đến đơn vị lớn  + Đổi từ nhiêu đơn vị lớn đến 1 đơn vị  + Viết một đơn vị thành tổng các đơn vị đo.  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành:** (30 phút) | |
| **Bài 1:** **HĐ cá nhân**  - Học sinh đọc, lớp lắng nghe.  - 1kg = 10hg  - 1kg = yến  - Học sinh làm tiếp, lớp làm vở bài tập.  - Hơn kém nhau 10 lần (1 đơn vị lớn bằng 10 đơn vị bé;11 đơn vị bé =đơn vị lớn hơn).  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - HS đọc  - Học sinh làm bài.  a) 18 yến = 180kg b) 430kg = 34yến  200tạ = 20000kg 2500kg = 25 tạ  35tấn = 35000kg 16000kg = 16 tấn  c) 2kg362g = 2362g d) 4008g = 4kg 8g  6kg3g = 6003g 9050kg = 9 tấn 50kg  2kg 326g = 2000g + 326g  = 2326g  9050kg = 9000kg + 50kg  = 9 tấn + 50 kg  = 9tấn 50kg | - GV treo bảng có sẵn nội dung bài 1, yêu cầu HS đọc đề bài.  a. 1kg =? hg (GV ghi kết quả)  1kg = ? yến (GV ghi kết quả)  - Yêu cầu học sinh làm tiếp các cột còn lại trong bảng  b. Dựa vào bảng cho biết 2 đơn vị đo khối lượng liến kề nhau hơn kém nhau bao nhiêu lần ?  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu học sinh tự làm bài  - GV quan sát, nhận xét    - Yêu cầu HS nêu cách đổi đơn vị của phần c, d.  - Yêu cầu học sinh đọc yêu cầu bài.  - Cho HS làm bài cá nhân, chia sẻ trước lớp.  *Giải*  Ngày thứ hai cửa hàng bán được là :  300 x 2 = 600(kg)  Hai ngày đầu cửa hàng bán được là :  300 + 600 = 900(kg)  Đổi 1 tấn = 1000kg  Ngày thứ 3 bán được là :  1000 - 900 = 100(kg)  Đáp số: 100kg |
| **Bài 4: HĐ cá nhân**  - Học sinh đọc đề bài, lớp đọc thầm  - Học sinh làm bài  - Nhận xét . |
| **3. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - HS làm bài  *Số muối ngày thứ 2 bán được là:*  *850 + 350 = 1200 (kg)*  *Số muối ngày thứ 3 bán được là:*  *1200 – 200 = 1000 (kg)*  *1000 kg = 1 tấn*  *Đáp số: 1 tấn* | - GV cho HS giải bài toán sau:  *Một cửa háng ngày thứ nhất bán được 850kg muối, ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 350kg muối, ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 200kg muối. Hỏi ngày thứ ba cửa hàng đó bán được bao nhiêu tấn muối ?* |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

-----------------------------------------------------

***Luyện từ và câu***

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: *HOÀ BÌNH***

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***: Hiểu nghĩa của từ “hoà bình”(BT1): tìm được từ đồng nghĩa với từ **hòa bình** (BT2).

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng**

- GV: Bảng lớp viết nội dung bài tập 1, 2, 3

- HS : SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - Học sinh thi đặt câu.  - HS nghe  - Học sinh lắng nghe  - Chủ điểm: Cánh chim hoà bình. | - Cho HS chơi trò chơi "truyền điện": Đặt câu với cặp từ trái nghĩa mà em biết ?  - GV đánh giá  - Giới thiệu bài  - Chúng ta đang học chủ điểm nào?  - Giờ học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu nghĩa của từ loại *hoà bình,* tìm từ đồng nghĩa với từ hoà bình và thực hành viết đoạn văn. |
| **2. Hoạt động thực hành:(30 phút)** | |
| **Bài 1: HĐ cá nhân**  - HS đọc  - HS làm bài  - Đáp án:  + ý b : *trạng thái không có chiến tranh*  - Vì trạng thái bình thản là thư thái, thoải mái, không biểu lộ bối rối. Đây là từ chỉ trạng thái tinh thần của con người.  **Bài 2**: **HĐ cặp đôi**  - Học sinh đọc yêu cầu của bài  - 2 học sinh thảo luận làm bài :  - 1 học sinh nêu ý kiến học sinh khác bổ sung.  - Từ đồng nghĩa với từ "hoà bình" là "bình yên, thanh bình, thái bình."  - HS nêu nghĩa của từng từ và đặt câu  *- Ai cũng mong muốn sống trong cảnh bình yên.*  *- Tất cả lặng yên, bồi hồi nhớ lại.*  *- Khung cảnh nơi đây thật hiền hoà.*  *- Cuộc sống nơi đây thật thanh bình.*  *- Đất nước thái bình.*  **Bài 3**: **HĐ cá nhân**  - Học sinh đọc yêu cầu.  - 1 HS làm bảng nhóm, cả lớp làm vào vở.  - 3-5 HS đọc đoạn văn của mình | - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu học sinh tự làm bài.  - Gợi ý: Dùng bút chì khoanh vào chữ cái trước dòng nêu đúng nghĩa của từ “hoà bình”  - Vì sao em chọn ý b mà không phải ý a?  - GV kết luận: Trạng thái hiền hoà yên ả là trạng thái của cảnh vật hoặc tính nết của con người.  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Tổ chức cho HS làm bài theo cặp.  - GV nhận xét chữa bài  - Nêu nghĩa của từng từ, đặt câu với từ đó  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu học sinh tự làm và chữa bài.  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét, sửa chữa. |
| **3. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| Từ ***hoà bình*** giúp en liên tưởng đến:  *ấm no, an toàn, yên vui, vui chơi* | - Từ ***hoà bình*** giúp en liên tưởng đến điều gì ?- |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

--------------------------------------------------------------

***Kể chuyện***

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE- ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

***1.Kiến thức***: Biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3.Phẩm chất:** Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ

**II. CHUẨN BỊ:**

**Đồ dùng**

- GV: Sách, báo, truyện gắn với chủ điểm hoà bình.

- HS: SGK, vở....

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động Khởi động** (3’) | |
| - HS thi kể lại theo tranh 2-3 đoạn câu chuyện  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS thi kể lại câu chuyện “Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai” và nêu ý nghĩa câu chuyện  - Nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức:** (8’) | |
| - HS đọc đề bài  - HS nghe và quan sát  - HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể | - Gọi HS đọc đề  - GV gạch chân những từ trọng tâm ca ngợi hòa bình, chống chiến tranh.  - GV nhắc HS một số câu chuyện các em đã học về đề tài này và khuyến khích HS tìm những câu chuyện ngoài SGK  - Gọi HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể |
| **3. Hoạt động thực hành:(23 phút)** | |
| - Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi  - Thi kể trước lớp  - Cho HS bình chọn người kể hay nhất  - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện  - Nhận xét. | - Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi  - Thi kể trước lớp  - Cho HS bình chọn người kể hay nhất  - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện  - Nhận xét. |
| **3. Hoạt động vận dụng:** (3’) |  |
| - HS nêu | - Em có thể đưa ra những giải pháp gì để trái đất luôn hòa bình, không có chiến tranh ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

----------------------------------------------------------------

***Lịch sử***

**PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO ĐÔNG DU**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức :*** Học sinh biết được Phan Bội Châu là nhà yêu nước tiêu biểu ở Việt Nam đầu thế kỉ XX :

+ Phan Bội Châu sinh năm 1867 trong một gia đình nhà nho nghèo thuộc tỉnh Nghệ An. Phan Bội Châu lớn lên khi đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, ông day dứt lo tìm đường giải phóng dân tộc.

+ Từ năm 1905 - 1908 ông vận động thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học để trở về đánh Pháp cứu nước. Đây là phong trào Đông Du.

- HS (M3,4): Biết được vì sao phong trào Đông Du thất bại: Do sự cấu kết của thực dân Pháp với chính phủ Nhật.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn

**3. Phẩm chất:** Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng** :

- Ảnh trong SGK phóng to. Bản đồ thế giới.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động**:(3 phút) | |
| - HS chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi sau:  + Nêu những thay đổi về kinh tế và xã hội của VN sau khi thực dân Pháp đặt ách thống trị.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút)** | |
| - HS làm việc theo nhóm 4.  + Lần lượt từng HS trình bày thông tin của mình trước nhóm, cả nhóm cùng theo dõi.  - Đại diện nhóm trình bày ý kiến, các nhóm khác bổ sung ý kiến.  - Các nhóm thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả  - Phong trào Đông du được khởi xướng từ năm 1905, do Phan Bội Châu lãnh đạo.  - Mục đích: đào tạo những người yêu nước có kiến thức về khoa học, kĩ thuật...  - Nhật Bản trước kia là một nước phong kiến lạc hâu như Việt Nam. Nhật bản đã cải cách trở thành một nước cường thịnh. Ông hi vọng sự giúp đỡ của Nhật Bản để đánh giặc Pháp.  - Lúc đầu có 9 người, 1907 có hơn 200 thanh niên sang Nhật học. Càng ngày phong trào càng vận động được nhiều người sang Nhật học. Để có tiền ăn học, họ đã phải làm nhiều nghề...  - Phong trào Đông du phát triển làm cho thực dân Pháp hết sức lo ngại...Phong trào Đông du tan rã.  - Tuy thất bại nhưng phong trào Đông du đã đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước, đồng thời cổ vũ, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân ta | .*\* Hoạt động 1: Tiểu sử Phan Bội Châu.*  - GV yêu cầu HS thảo luận, chia sẻ những thông tin tìm hiểu được về Phan Bội Châu.  - GV tiểu kết, nêu một số nét chính về tiểu sử của Phan Bội Châu.  *\* Hoạt động 2 : Sơ lược về phong trào**Đông du.*  - Yêu cầu các nhóm thảo luận, thuật lại những nét chính về phong trào Đông du.  - Trình bày kết quả  - Phong trào Đông du diễn ra vào thời gian nào? Ai là người lãnh đạo?  - Mục đích của phong trào là gì?  - Tại sao Phan Bội Châu lại chủ trương dựa vào Nhật để đánh Pháp?  - Nhân dân trong nước đặc biệt là thanh niên yêu nước hưởng ứng phong trào như thế nào ?  - Kết quả của phong trào Đông du ?  - Phong trào Đông du đã có ý nghĩa như thế nào? |
| **3. Hoạt động vận dụng: (3 phút )** | |
| - Nguyên nhân nào dẫn đến sự thất bại của phong trào Đông du? | - HS nêu |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***-----------------------------------------------------------------***

***Kĩ thuật***

**MỘT SỐ DỤNG CỤ NẤU ĂN VÀ ĂN UỐNG TRONG GIA ĐÌNH**

**I.MỤC TIÊU**:

***1. Kiến thức***: Biết đặc điểm, cách sử dụng, bảo quản một số dụng cụ nấu ăn và ăn uống thông thường tronh gia đình.

***2. Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng:**

- Giáo viên: + Tranh một số dụng cụ nấu ăn và ăn uống thông thường.

**+** Một số loại phiếu học tập

- Học sinh: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** |  |
| **-** Đặt đồ dùng, bài thực hành lên bàn | - GV nhận xét bài thực hành thêu dấu nhân tiết trước.  - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS  - Giới thiệu bài: GV giới thiệu-ghi đầu bài |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức: (15 phút)** | |
| + Bếp ga, củi, than, chén, ly, chảo xoong…..  + HS nhắc lại theo 5 nhóm  - HS chia 3 nhóm đọc các mục 1, 2, 3, 4, 5. Quan sát các hình sgk, hình thành phiếu.  - Đại diện các nhóm trình bày, bổ sung  - 5 hs đọc | *\* Hoạt động 1: Xác định các dụng cụ đun nấu, ăn uống thông thường thường trong gia đình:*  - Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  + Em hãy kể tên các dụng cụ nấu ăn trong gia đình em?  - GV ghi tên các dụng cụ theo 5 nhóm (SGK)  - GV nhận xét và nhắc lại  *\* Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm, cách sử dung, cách bảo quản một số dụng cụ đun nấu, ăn uống trong gia đình:*  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo yêu cầu  - GV nhận xét và chốt lại  - Gọi hs đọc ghi nhớ sgk |
|  |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Loại dụng cụ | Tên các dụng cụ cùng loại | Tác dụng | Sử dụng, bảo quản | | Bếp đun |  |  |  | | Dụng cụ nấu ăn |  |  |  | | Dụng cụ dùng để trình bày thức ăn, uống |  |  |  | | Dụng cụ cắt thái thực phẩm |  |  |  | | Các dụng cụ khác |  |  |  | | |
| - HS các tổ nối tiếp trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. | *\*Hoạt động 3: Đánh giá kết quả học tập:*  - GV cho hs thi tiếp sức 3 nhóm lên TLCH cuối bài  - GV nhận xét, kết luận |
| **3. Hoạt động vận dụng:(3phút)** | |
| - HS nêu | - Sau khi sử dụng xong dụng cụ nấu ăn, em sẽ làm gì để các dụng cụ đó được sạch sẽ và bền đẹp ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

---------------------------------------------------------------

**Thứ tư ngày tháng năm 2021**

***Toán:***

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***: Biết tính diện tích một hình qui về tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ

Đồ dùng

- GV: SGK, bảng phụ

- HS : SGK, vở , bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi bảng | - Học sinh tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với nội dung :  5km 750m = ….. m  3km 98m = ….. m  12m 60cm = ….. cm  2865m = ….. km ….. m  4072m = ….. km ….. m  684dm = ….. m ….. dm  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: ( 27 phút)** | |
| **Bài 1**: **HĐ cặp đôi**  - Học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - HS phân tích đề, làm bài, đổi vở kiểm tra chéo  + Biết cả hai trường thu gom được bao nhiêu kg giấy vụn.  + Toán về quan hệ tỉ lệ  Giải  Đổi 1tấn 300kg = 1300kg  2tấn 700kg = 2700kg  Số giấy vụn cả 2 trường góp là:  1300 + 2700 = 4000 (kg)  Đổi 4000 kg = 4 tấn  4 tấn gấp 2 tấn số lần là:  4 : 2 = 2 lần  4 tấn giấy vụn sản xuất được số vở là:  50000 x 2 = 100000 (cuốn)  Đáp số: 100000 cuốn.  **Bài 3: HĐ nhóm**  - Cả lớp theo dõi  - Nhóm trưởng điều khiển thảo luận  + Hình chữ nhậtABCD và hình vuông CEMN  + Tính diện tích hình chữ nhật ABCD và hình vuông CEMN từ đó tính diện tích cả mảnh đất.  - HS làm bài vào vở, báo cáo kết quả  Giải  Diện tích hình chữ nhật ABCD là:  6 x 14 = 84 (m2)  Diện tích hình vuông CEMN là:  7 x 7 = 49 (m2)  Diện tích mảnh đất là:  84 + 49 = 133 (m2)  Đáp số: 133 m2 | - Gọi HS đọc đề bài  - Cho HS phân tích đề  + Muốn biết được từ số giấy vụn cả hai trường thu gom được, có thể sản xuất được bao nhiêu cuốn vở HS cần biết gì?  + Bài toán thuộc dạng toán gì?  + Đổi:  1 tấn 300kg = 1300kg  2 tấn 700kg = 2700kg  - Nhận xét, kết luận  - Gọi HS đọc yêu cầu  - HS phân tích đề  + Hình bên gồm những hình nào tạo thành?  + Muốn tính được diện tích hình bên ta làm thế nào?  - Hướng dẫn giải vào vở.  - GV nhận xét, kết luận |
| **3. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - HS làm bài  *Giải*  *Diện tích mảnh vườn:*  *20 x 12 = 240 (m2)*  *Diện tích xây bể nước:*  *4 x 4 = 16 (m2)*  *Diện tích trồng rau và làm lối đi*  *240 – 16 = 224 (m2)*  *Đáp số: 224 m2* | - Cho HS vận dụng kiến thức làm bài tập sau:  *Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là 20m, chiều rộng là 12m. Giữa vườn người ta xây một bể nước hình vuông cạnh là 2m, còn lại là trồng rau và làm lối đi. Tính diện tích trồng rau và làm lối đi ?* |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

----------------------------------------------------------

***Tập đọc***

**Ê- MI- LI- CON**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:*** Hiểu ý nghĩa: Ca ngợi hành động dũng cảm của một công dân Mĩ tự thiêu để phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam ( Trả lời được các câu hỏi 1,2,3,4; thuộc 1 một khổ thơ trong bài ).

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** nhân ái, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ:**

**Đồ dùng**

- Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

- Bảng phụ viết sẵn 1 đoạn thơ hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm**.**

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - HS thi đọc và TLCH  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức thi đọc bài “Một chuyên gia máy xúc” và trả lời câu hỏi  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài- Ghi bảng |
| **2.Hoạt động luyện đọc: (10 phút)** | |
| - Học sinh đọc toàn bài và xuất xứ bài thơ.  - Đọc tiếp nối từng đoạn trong nhóm  + Giáo viên giới thiệu tranh minh hoạ và ghi lên bảng các tên riêng Ê-mi-li, Mo-ri-xơn, …  - Đọc theo cặp  - 1 học sinh đọc toàn bài thơ.  - Giáo viên đọc mẫu bài thơ. | - Cả lớp theo dõi  - HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 1 + luyện đọc từ khó, câu khó.  - HS đọc lần 2 + Giải nghĩa từ  - HS nghe và quan sát  - Học sinh luyện đọc theo cặp.  - HS đọc  - HS theo dõi |
| **3. Hoạt động hình thành kiến thức**:(10 phút) | |
| - Nhóm trưởng điều khiển các bạn trong nhóm đọc diễn cảm khổ thơ đầu để thể hiện tâm trạng của chú Mo-ri-xơn và Ê-mi-li.  - Học sinh đọc khổ thơ 2 để trả lời câu hỏi chú Mo-ri-xơn lên án cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc đó là cuộc chiến tranh phi nghĩa- không “nhân danh ai” và vô nhận đạo- “đốt bệnh viện, trường học”, “giết trẻ em”, “giết những cánh đồng xanh”.  - Chú nói trời sắp tối, không bế Ê-mi-li về được. Chú dặn con: Khi mẹ đến, hãy ôm hôn mẹ cho cha và nói với mẹ: “Cha đi vui, xin mẹ đừng buồn”.  - Học sinh đọc khổ thơ cuối.  - Hành động của chú Mo-ri-xơn là cao đẹp, đáng khâm phục.  - HS nghe  - Học sinh đọc lại. | - Cho HS đọc bài thơ, thảo luận nhóm TLCH sau đó chia sẻ trước lớp  1. Vì sao chú Mo-ri-xơn lên án cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ?  2. Chú Mo-ri-xơn nói với con điều gì khi từ biệt?  3. Em có suy nghĩ gì về hành động của chú Mo-ri-xơn?  - Giáo viên tóm tắt nội dung chính.  ***- Nội dung*:** Ca ngợi hành động dũng cảm của một công dân Mĩ tự thiêu để phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam |
| **4. Hoạt động luyện đọc hay và học thuộc lòng:** (10 phút) | |
| - 4 học sinh đọc 4 khổ thơ.  - HS theo dõi  - HS đọc theo cặp  - Học sinh thi đọc diễn cảm.  - Học sinh nhẩm học thuộc lòng  - HS thi đọc thuộc lòng | - Giáo viên gọi học sinh đọc.  - Giáo viên đọc mẫu khổ thơ 3, 4.  - Luyện đọc theo cặp  - Thi đọc diễn cảm  - Luyện đọc thuộc lòng  - Giáo viên cho học sinh thi học thuộc lòng. |
| **5. Hoạt động vận dụng**:(3 phút) | |
| - Qua bài thơ em có suy nghĩ gì về cuộc sống của người dân ở nơi xảy ra chiến tranh ? | - HS nêu |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

------------------------------------------------------------

**Thứ năm ngày tháng năm 2021**

***Tập làm văn***

**LUYỆN TẬP LÀM BÁO CÁO THỐNG KÊ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:*** Biết thống kê theo hàng và thống kê bằng cách lập bảng để trình bày kết quả điểm học tập trong tháng của từng thành viên và của cả tổ.

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng**

- Giáo viên: Bút dạ, bảng nhóm ,Sổ điểm lớp

- Học sinh: sách, vở.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - 2 học sinh đọc  - HS nghe  - HS ghi vở | - Yêu cầu HS đọc bảng thống kê số HS trong từng tổ (tuần 2)  - GV nhận xét bài làm của học sinh  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành**: (30 phút) | |
| **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - 2 học sinh làm bảng nhóm, lớp làm vở.  - Học sinh làm vở, báo cáo kết quả  - 2 học sinh nối tiếp nhau đọc  - 2 Học sinh nhận xét bài của từng bạn  - Học sinh dựa vào bảng thống kế để trả lời.  - HS nghe  - 3-4 học sinh nhận xét  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Nhận xét chung về kết quả học tập của tổ  - HS gắn bảng  - HS nhận xét  -HS lắng nghe | - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu học sinh tự làm bài.  - Gợi ý: Đây là thống kê kết quả học tập trong tháng nên không cần lập bảng viết theo hàng ngang. Nếu không nhớ số điểm có thể mở bài kiểm tra xem lại.  - Nhận xét kết quả thống kê và cách trình bày của từng học sinh.  Ví dụ: Điểm trong tháng của Thư tổ 1  - Số điểm dưới 5: 0  - Số điểm dưới 7-8: 0  - Số điểm dưới 9-70: 13  - Số điểm dưới 5-6: 0  - Em có nhận xét gì về kết quả học tập của mình?  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu học sinh tự làm vào vở  - Yêu cầu HS làm bảng nhóm gắn bảng.  - GV nhận xét bài làm của học sinh  - Yêu cầu HS cùng tổ nhận xét  - Em có nhận xét gì về kết quả học tập của các bạn tổ 1,2,3,4.  - Trong mỗi tổ, bạn nào tiến bộ nhất? Bạn nào còn chưa tiến bộ?  - GV kết luận: Qua bảng thống kê biết kết quả học tập của mình - nhóm mình  cố gắng, đạt kết quả tốt hơn. |
| **3. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - HS nêu | - Bảng thống kê điểm của em có tác dụng gì ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**---------------------------------------------------------**

***Toán***

**ĐỀ- CA-MÉT VUÔNG, HÉC-TÔ-MÉT VUÔNG**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***: Biết tên gọi, kí hiệu và quan hệ của các đơn vị đo diện tích: đề-ca-mét vuông, héc-tô-mét vuông. Biết đọc, viết các số đo diện tích theo đơn vị đề-ca-mét vuông, héc-tô-mét vuông. Biết mối quan hệ giữa đề-ca-mét vuông với mét vuông; đề-ca-mét vuông với héc-tô-mét vuông.

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

Đồ dùng

- GV: SGK, bảng phụ

- HS : SGK, vở , bảng con

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| - HS hát  - HS nêu : cm2 ; dm2; m2 | - Cho HS hát  - Giới thiệu bài: GV yêu cầu HS nêu các đơn vị đo diện tích đã học. |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)** | |
| **Giới thiệu đơn vị đo diện tích đề-ca-mét vuông***(HĐ cả lớp)*  - HS quan sát hình.  - HS tính : 1dam x 1 dam = 1dam2  - HS nghe GV giảng.  - HS viết : dam2  - HS đọc : đề-ca-mét vuông.  - HS nêu : 1 dam = 10m.  - HS thực hiện thao tác chia hình vuông cạnh 1 dam thành 100 hình vuông nhỏ cạnh 1m.  - HS : Mỗi hình vuông nhỏ có cạnh dài 1m.  + Được tất cả 10 x 10 = 100 (hình)  + Mỗi hình vuông nhỏ có dịên tích là 1m2.  + 100 hình vuông nhỏ có diện tích là  1 x 100 = 100 (cm2)  + Vậy 1dam2 = 100m2  HS viết và đọc 1dam2 = 100m2  + Đề-ca-mét vuông gấp 100 lần mét vuông.  - HS quan sát hình.  - HS tính : 1hm x 1hm = 1hm2.  - HS nghe GV giảng bài.  - HS viết : hm2  - HS đọc : héc-tô-mét vuông.  - HS nêu : 1hm = 10dam  - HS thực hiện thao tác chia hình vuông  cạnh 1hm thành 100 hình vuông nhỏ cạnh 1dam.  - 1hm2 = 10 000m2  - HS : Mỗi hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 dam.  + Được tất cả 10 x 10 = 100 hình  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là 1dam2.  + 100 hình vuông nhỏ có diện tích là :  1 x 100 = 100 (dam2)  + 1 hm2 = 100dam2  HS viết và đọc : 1hm2 = 100dam2  + Héc-tô-mét vuông gấp 100 lần đề-ca-mét vuông. | a) *Hình thành biểu tượng về đề-ca-mét vuông*  - GV treo lên bảng hình biểu diễn của hình vuông có cạnh 1dam như SGK.  - GV : Hình vuông có cạnh dài 1 dam, em hãy tính diện tích của hình vuông.  - GV giới thiệu : 1 dam x 1 dam = 1 dam2, đề-ca-mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 dam.  - GV giới thiệu tiếp : đề-ca-mét vuông viết tắt là dam2, đọc là đề-ca-mét vuông.  b) *Tìm mối quan hệ giữa đề-ca-mét vuông* *và mét vuông*  - GV hỏi : 1 dam bằng bao nhiêu mét.  - GV yêu cầu : Hãy chia cạnh hình vuông 1 dam thành 10 phần bằng nhau, sau đó nối các điểm để tạo thành các hình vuông nhỏ.  - GV hỏi : Mỗi hình vuông nhỏ có cạnh dài bao nhiêu mét ?  + Chia cạnh hình vuông lớn có cạnh dài 1 dam thành các hình vuông nhỏ cạnh 1m thì được tất cả bao nhiêu hình vuông nhỏ ?  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích bao nhiêu mét vuông ?  + 100 hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu mét vuông ?  + Vậy 1 dam2 bằng bao nhiêu mét vuông  + đề-ca-mét vuông gấp bao nhiêu lần mét vuông ?  **Giới thiệu đơn vị đo diện tích**  **héc-tô-mét vuông ?**  *+ Hình thành biểu tượng về héc-tô-mét vuông.*  - GV treo lên bảng hình biểu diễn của hình vuông có cạnh dài 1hm như SGK.  - GV nêu : Hình vuông có cạnh dài 1hm, em hãy tình diện tích của hình vuông.  - GV giới thiệu : 1hm x 1hm = 1hm2.  héc-tô-mét vuông chính là diện tích của hình vuồng có cạnh dài 1hm.  - GV giới thiệu tiếp : héc-tô-mét vuông viết tắt là hm2, đọc là héc-tô-mét vuông.  +) Tìm mối quan hệ giữa héc-tô-mét vuông và đề-ca-mét vuông  - GV hỏi : 1hm bằng bao nhiêu đề-ca-mét?  + Vậy 1hm2 bằng bao nhiêu đề-ca-mét vuông ?  + Héc-tô-mét vuông gấp bao nhiêu lần đề-ca-mét vuông ?  - GV yêu câu HS nêu lại mối quan hệ giữa đề-ca-mét vuông và mét vuông, giữa héc-tô-mét vuông và đề-ca-mét vuông. |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)*** | |
| - HS lần lượt đọc các số đo diện tích theo cặp. Có thể đọc, viết thêm một số số đo khác.  - HS hoạt động cặp đôi  - HS nghe  2dam2 = ...m2  Ta có 1 dam2 = 100m2  Vậy 2 dam2 = 200m2  3 dam2 15m2 = ....m2  Ta có 3dam2= 300m2  Vậy 3dam215m2 =300m2+15m2 = 315m2  3m2 = ...dam2  Ta có 100m2 = 1dam2  1m2 = dam2  Suy ra 3m2= 3/100 dam2  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả  - HS nghe | **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - GV cho HS tự đọc và viết các số đo diện tích.  - GV nhận xét  **Bài 2: HĐ cặp đôi**  - GV cho1 HS đọc các số đo diện tích cho 1HS viết rồi đổi lại  **Bài 3: HĐ cả lớp =>HĐ cá nhân**  - GV viết lên bảng các trường hợp sau :  Viết số thích hợp vào chỗ chấm :  2dam2 = ...m2  3dam2 5m2 = ....m2  3m2 = ... dam2    - GV yêu cầu HS tiếp tục làm các phần còn lại của bài.  - GV chữa bài của HS trên bảng lớp, sau đó nhận xét và HS. |
| **4. Hoạt động vận dụng:(3 phút)** | |
| - HS làm bài  5 dam2 = 500 m2  3 hm2 = 30 000 m2  2 km2 = 200 hm2  4 cm2 = 400 mm2 | - Cho HS vận dụng làm các câu sau:  5 dam2 = ......m2  3 hm2 = ....... m2  2 km2 = ........ hm2  4 cm2 = ........ mm2 |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

----------------------------------------------------------

***Luyện từ và câu***

**TỪ ĐỒNG ÂM**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:*** Hiểu thế nào là từ đồng âm (ND ghi nhớ).

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm

**II.CHUẨN BỊ:**

**Đồ dùng**

- GV:SGK,vở Luyện từ và câu.

- HS: SGK, vở...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - HS thi đọc  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS thi đọc đoạn văn miêu tả vẻ thanh bình của nông thôn đã làm ở tiết trước.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài: nêu mục đích yêu cầu của tiết học |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức:(15 phút)** | |
| - HS đọc câu văn  + Hai câu văn trên đều là 2 câu kể. mỗi câu có 1 từ *câu* nhưng nghĩa của chúng khác nhau  + Từ *câu* trong Ông ngồi câu cá là bắt cá tôm bằng móc sắt nhỏ buộc ở 2 đầu dây.  + Từ *câu* trong Đoạn văn này có 5 câu là đơn vị của lời nói diễn đạt một ý trọn vẹn, trên văn bản được mở đầu bằng một chữ cái viết hoa và kết thúc bằng một dấu ngắt câu.  + Hai từ *câu* có phát âm giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau.  - 2 HS đọc ghi nhớ | **Bài 1: HĐ cả lớp**  Viết bảng câu: Ông ngồi **câu** cá  Đoạn văn này có 5 **câu**.  - Em có nhận xét gì về hai câu văn trên?  - Nghĩa của từng câu trên là gì? Em hãy chọn lời giải thích đúng ở bài tập 2  - Hãy nêu nhận xét của em về nghĩa và cách phát âm các từ *câu* trên  ***- KL****: Những từ phát âm hoàn toàn giống nhau song có nghĩa khác nhau được gọi là từ đồng âm.*  **+ Ghi nhớ**  - Gọi HS đọc ghi nhớ |
| **3. Hoạt động thực hành:(15 phút)** | |
| - 1em đọc yêu cầu bài  - HS trao đổi làm bài, chia sẻ  a) Đồng trong cánh đồng: là khoảng đất rộng bằng phẳng dùng để cày cấy trồng trọt.  + Đồng trong tượng đồng: là kim loại có màu đỏ, dễ dát mỏng và kéo sợi dùng làm dây điện và chế hợp kim.  + Đồng trong 1 nghìn đồng: đơn vị tiền VN.  b) c) HS nêu  - HS đọc yêu cầu và mẫu của BT  - HS làm vào vở  - HS đọc bài của mình  + Bố em mua một bộ **bàn** ghế rất đẹp.  + Họ đang **bàn** về việc sửa đường.  + Nhà cửa ở đây được xây dựng hình **bàn** cờ.  - HS đọc  -HS làm bài theo cặp đôi, trả lời câu hỏi  + Vì Nam nhầm lẫn nghĩa của 2 từ đồng âm là tiền tiêu  - ***tiền tiêu:*** chi tiêu  - ***tiền tiêu:*** vị trí quan trọng nơi bố trí canh gác ở phía trước khu vực trú quân hướng về phía địch  - HS đọc  - Cả lớp thực hiện  a) con chó thui  b)cây hoa súng và khẩu súng  - từ **chín** trong câu a là nướng **chín** chứ không phải là số 9.  - khẩu **súng** còn đc gọi là cây **súng**. | **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Tổ chức HS làm việc theo cặp  - Nhận xét, kết luận    **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài và bài mẫu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - GV nhận xét  **Bài 3: HĐ cặp đôi**  - HS đọc yêu cầu bài tập  - Vì sao Nam tưởng ba mình chuyển sang làm việc tại ngân hàng?  - GV nhận xét lời giải đúng.    **Bài 4: HĐ cả lớp**  - Gọi HS đọc câu đố  - Yêu cầu HS thi giải câu đố nhanh  - Trong 2 câu đố trên, người ta có thể nhầm lẫn từ đồng âm nào?  - Nhận xét khen ngợi HS |
| **4. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| *-* HS nêu | - Cho HS tìm từ đồng âm trong hai câu sau:  *- Con bò sữa đang gặm cỏ.*  *- Em bé đang bò ra chỗ mẹ* |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Khoa học***

**THỰC HÀNH : NÓI “KHÔNG !”ĐỐI VỚI CÁC CHẤT GÂY NGHIỆN(T2)**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức*:** Nêu được một số tác hại của ma túy, thuốc lá, rượu bia.

***2. Năng lực:*** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Trung thực, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng**

- GV: Phiếu HT-Tranh SGK

- HS: SGK

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:** (5 phút) | |
| - HS chơi | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Gọi thuyền" với các câu hỏi:  + Người nghiện thuốc lá có nguy cơ mắc những bệnh ung thư nào? |
|  | + Nêu tác hại của rượu, bia, đối với tim mạch? |
|  | + Nêu tác hại của ma túy đối với cộng đồng và xã hội? |
|  | - GV nhận xét |
| - HS lắng nghe | - Giới thiệu bài mới:Thực hành: Nói “Không !” đối với các chất gây nghiện (tt) |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức: (30 phút)** | |
| -HS trưng bày sản phẩm: Vẽ tranh chủ đề: “Nói không với chất gây nghiện”  -Nhiều HS trình bày ý nghĩa tác phẩm của mình  - Lớp đánh giá, bình chọn tranh đẹp, có ý nghĩa  - Các nhóm nhận tình huống, HS nhận vai  - Các vai hội ý về cách thể hiện, các bạn khác cũng có thể đóng góp ý kiến  - Các nhóm đóng vai theo tình huống nêu trên, lớp nhận xét. | \* **Hoạt động 1:** Trưng bày tranh chủ đề: “Nói không với chất gây nghiện”  - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương HS vẽ tranh đẹp, có ý nghĩa  - GV kết luận chung: Các chất gây nghiện đều gây hại cho sức khỏe người sử dụng, ảnh hưởng đến mọi người xung quanh. Chúng ta cần nói “Không!” với chất gây nghiện và vận động mọi người làm theo  \* **Hoạt động 2:** Đóng vai  + **Bước 1:** Thảo luận  - GV nêu vấn đề: Khi chúng ta từ chối ai đó một đều gì, các em sẽ nói những gì?  + **Bước 2:** Tổ chức, hướng dẫn, thảo luận  - GV chia lớp thành 3 nhóm hoặc 6 nhóm.  + Tình huống 1: Lân cố rủ Hùng hút thuốc. Nếu là Hùng bạn sẽ ứng sử như thế nào?  + Tình huống 2: Trong sinh nhật, một số anh lớn hơn ép Minh uống bia. Nếu là Minh, bạn sẽ ứng sử như thế nào?  + Tình huống 3: Tư bị một nhóm thanh niên dụ dỗ và ép hút thử hê-rô-in. Nếu là Tư, bạn sẽ ứng sử như thế nào?  - GV kết luận chung: chúng ta có quyền tự bảo vệ và được bảo vệ nên ta phải tôn trọng quyền đó của người khác. Cần có cách từ chối riêng để nói “Không !” với rượu, bia, thuốc lá, ma tuý. |
| **3. Hoạt động vận dụng:** (5 phút) | |
| - HS nêu | - Nếu trong gia đình em có người hút thuốc lá thì em sẽ nói gì để khuyên người đó bỏ thuốc? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

---------------------------------------------------------------

***Địa lí***

**VÙNG BIỂN NƯỚC TA**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:*** Học sinh nêu được một số đặc điểm và vai trò của vùng biển nước ta.

+ Vùng biển Việt Nam là một bộ phận của Biển Đông.

+ Ở vùng biển Việt Nam, nước không bao giờ đóng băng.

+ Biển có vai trò điều hoà khí hậu, là đường giao thông quan trọng và cung cấp nguồn tài nguyên to lớn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn

**3.Phẩm chất:** Yêu nước, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng**

- GV:Bản đồ trong khu vực Đông Nam Á hoặc hình 1 trong SGK, bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam.

- HS: SGK, vở...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - HS chơi    - HS nghe  - Học sinh ghi vở | - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "truyền điện": kể tên các con sông của nước ta.  - GV đánh giá,nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (25 phút)** | |
| ***\*Hoạt động 1:*** *Vùng biển nước ta*  - Học sinh quan sát.  - Lược đồ khu vực biển Đông. Giúp ta biết đặc điểm của biển Đông, giới hạn, các nước có chung biển Đông.  - Học sinh nghe  - Phía Đông, phía Nam và Tây Nam.  - 2 Học sinh chỉ cho nhau thấy vùng biển của nước ta trên lược đồ SGK.  - 2 HS chỉ trên lược đồ trên bảng.  **\* *Hoạt động 2****: Đặc điểm của vùng biển nước ta*  - Học sinh đọc SGK theo cặp ghi ra đặc điểm của biển:  - Nước không bao giờ đóng băng  - Miền Bắc và miền Trung hay có bão.  - Hàng ngày, nước biển có lúc dâng lên, có lúc hạ xuống.  - Biển không đóng băng nên thuận lợi cho giao thông và đánh bắt thuỷ hải sản...  - Bão biển gây thiệt hại lớn cho tàu thuyền nhà cửa, dân những vùng ven biển  - Nhân dân lợi dụng thuỷ triều đề làm muối.  **\* *Hoạt động 3****: Vai trò của biển*  - Học sinh thảo luận, tìm câu trả lời, viết ra giấy, báo cáo.  - Biển giúp điều hoà khí hậu.  - Dầu mỏ, khí tự nhiện làm nguyên liệu cho công nghiệp, cung cấp muối, hải sản cho đời sống và ngành sản xuất chế biến hải sản.  - Biển là đường giao thông quan trọng.  - Là nơi du lịch, nghỉ mát, góp phần đáng kể để phát triển ngành du lịch.  - Học sinh đọc. | - Treo lược đồ khu vực biển đông  - Lược đồ này là lược đồ gì? Dùng để làm gì?  - GV chỉ cho HS vùng biển của Việt Nam trên biển Đông và nêu. Nước ta có vùng biển rộng, biển của nước ta là một bộ phận của biển Đông.  - Biển Đông bao bọc ở những phía nào của phần đất liền Việt Nam?  - GV kết luận: Vùng biển của nước ta là một bộ phận của biển Đông.  - Yêu cầu HS đọc SGK trao đổi nhóm đôi để :  - Tìm đặc điểm của biển Việt Nam?  - Tác động của biển đến đời sống và sản xuất của nhân dân?  - GV nhận xét chữa bài, hoàn thiện phần trình bày  ***-***Chia nhóm 4: Yêu cầu thảo luận ghi vào giấy vai trò của biển đối với khí hậu, đời sống và sản xuất của nhân dân.  - Tác động của biển đối với khí hậu  - Biển cung cấp cho ta tài nguyên nào?  - Các loại tài nguyên này có đóng góp gì vào đời sống sản xuất của nhân dân?  - Biển mang lại thuận lợi gì cho giao thông?  - Bờ biển dài, nhiều bãi tắm đẹp góp phần phát triển ngành kinh tế nào?  - GV sửa chữa, bổ sung câu trả lời.  - Rút ra kết luận về vai trò của biển |
| **3. Hoạt động vận dụng: *(3 phút)*** |  |
| - Chọn 3 học sinh tham gia.  - Nhận xét bình chọn bạn giới thiệu hay | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Tập làm hướng dẫn viên du lịch |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*---------------------------------------------------------------------------------------------*

**Thứ sáu ngày tháng năm 2021**

***Tập làm văn***

**TRẢ BÀI VĂN TẢ CẢNH**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***: Biết rút kinh nghiệm khi viết bài văn tả cảnh (Vế ý, bố cục, dùng từ, đặt câu,…)

***2. Năng lực****:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng:**

- Giáo viên: Chấm bài, nhận xét, thống kê lỗi.

- Học sinh: Sách ,vở.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - Hát  - HS chuẩn bị  - HS nghe  - HS ghi vở | - Ổn định tổ chức  - GV kiểm tra bảng thống kê : Bài tập 2(trang 9)  - GV nhận xét bài làm của học sinh  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (27 phút)** | |
| - Học sinh lắng nghe  - Học sinh thảo luận nhóm 4, sửa lỗi sai:  + Tiếng mưa đập bùng bùng vào tàu lá chuối.  - Nước chảy lênh láng khắp sân.  - Gió thổi càng mạnh.  - Con gà ngật ngưỡng chạy tìm chỗ tránh mưa.  - Ánh nắng le lói chiếu xuống mặt đất    chỗ trú  đi trốn  buổi trưa  dội xuống  - Học sinh tự sửa lỗi trong vở bài tập.  - Học sinh viết  - Học sinh trình bày (3-4 em) | ***-*** GV nhận xét bài làm của HS  \**Ưu điểm:*  - Nhìn chung học sinh hiểu đề viết được bài văn tả cơn mưa theo đúng yêu cầu của đề bài.  + Bố cục, mở bài, thân bài, kết luận.  - Diễn đạt khá trôi chảy, viết câu đúng ngữ pháp, xếp ý hợp lôgíc.  - Bài viết có sáng tạo biết sử dụng một số biện pháp nghệ thuật so sánh, dùng từ gợi tả âm thanh, hình ảnh để miêu tả.  - Nhìn chung chữ viết khá rõ ràng, đẹp, trình bày khá khoa học.  \**Nhược điểm:*  - Một số bài viết dùng từ còn chưa chính xác  - Trình bày chưa khoa học  - Một vài em còn mắc nhiều lỗi chính tả  - Chữ viết xấu, cẩu thả.  - GV viết bảng phụ lỗi phổ biến:  + Lỗi dùng từ.  - Tiếng mưa đập bùng bùng vào lá xoài  - Mưa chảy bốn bề sân  - Gió thổi càng xiết.  - Con gà chạy ....... tránh mưa.  - Ánh nắng long lanh.  + Lỗi chính tả  Sai phụ âm  chỗ chú  đi chốn.  buổi chưa.  dội suống  - Yêu cầu học sinh viết lại một đoạn văn chưa hay ở trong bài.  - GV nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng:**(3 phút) | |
| - HS nêu | - Nêu cấu tạo của bài văn tả cảnh ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

---------------------------------------------------------------

***Toán***

**MI-LI-MÉT VUÔNG . BẢNG ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***: Biết tên gọi, kí hiệu độ lớn của mi-li-mét vuông. Quan hệ giữa mm2 và cm2.

***2. Năng lực:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng**

- GV: SGK, bảng phụ , hình vẽ biểu diễn hình vuông có cạnh 1mm (SGK). …

- HS : SGK, bảng con, vở...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - Hát  - HS nêu  - Học sinh lắng nghe  - HS ghi vở | - Ổn định tổ chức  - Cho HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (20 phút)** | |
| - cm2; dm2 ; m2; dam2; hm2 ; km2  - Học sinh lắng nghe  - Diện tích hình đó là:  1mm x 1mm = 1mm2  - Diện tích một hình vuông có cạnh 1mm.  - 1mm2.  - Diện tích hình vuông:  1cm x 1cm = 1cm2.  - Gấp 100 lần.  1cm2 = 100mm2  1mm2 = cm2  Học sinh nhắc lại  - Lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung  - Học sinh làm vở, 1 HS làm bảng  - Hơn kém nhau 100 lần. | ***\* Giới thiệu đơn vị đo diện tích mm2***  *+ Hình thành biểu tượng về mm2*  - Nêu tên các đơn vị diện tích đã học?  -Trong thực tế hay trong khoa học nhiều khi chúng ta cần đo diện tích rất bé mà dùng các đơn vị đo diện tích đã học chưa thuận tiện. Vì vậy, người ta dùng đơn vị đo nhỏ hơn là mm2  - GV treo hình vẽ SGK. Hình vuông cạnh 1mm  - Diện tích hình vuông đó là bao nhiêu ?  - Tương tự như các đơn vị trước, mm2 là gì?  - Ký hiệu mi-li-mét vuông là như thế nào?  - HS quan sát hình vẽ. Tính diện tích hình vuông có cạnh 1cm?  - Diện tích hình vuông 1cm gấp bao nhiêu lần diện tích hình vuông có cạnh dài 1mm  Vậy 1cm2 = ? mm2  1mm2 = ? cm2  *\* Bảng đo đơn vị diện tích*  - GV treo bảng phụ kẻ sẵn phần bảng.  - Gọi học sinh nêu tên các đơn vị đo diện tích bé đến lớn (GV viết bảng kẻ sẵn tên đơn vị đo diện tích)  1m2 = ? dm2  Gv ghi vào cột m2  1m2 = dam2  - Tương tự học sinh làm các cột còn lại  - GV kiểm tra bảng đơn vị đo diện tích của học sinh trên bảng  - Hai đơn vị đo diện tích liên kề nhau hơn kém nhau bao nhiêu lần ? |
| **3. Hoạt động thực hành: (15 phút)** | |
| - HS đọc  - Học sinh lần lượt đọc, viết theo cặp  - Học sinh viết số đo diện tích vào vở và đổi vở để kiểm tra  - HS đọc  - Học sinh theo dõi, thực hiện lại hướng dẫn của giáo viên  + Đổi từ đơn vị bé ra đơn vị lớn:  90000m2 = ... hm2  Tương tự như trên ta có :  9 00 00 = ...hm2  hm2 dam2 m2  Vậy 90000m2 = 9 hm2  - HS làm bài | **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - HS đọc yêu cầu  a) GV viết các số đo diện tích yêu cầu học sinh đọc.  b) GV đọc các số đo diện tích yêu cầu học sinh viết các số đo đó  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 2a**(cột 1): **HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Hướng dẫn học sinh thực hành 2 phép đổi.  + Đổi từ đơn vị lớn ra đơn vị bé :  7 hm2 = ...m2  - Biết mỗi đơn vị diện tích ứng với 2 chữ số trong số đo diện tích. Khi đổi từ hm2 ra m2 , ta lần lượt đọc tên các đơn vị đo diện tích từ hm2 đến m2, mỗi lần đọc viết thêm 2 chữ số 0 vào sau số đo đã cho. Ta có : 7hm2 = 7 00 00  hm2 dam2 m2  Vậy 7hm2 = 70000 m2  - Yêu cầu HS làm tiếp phần còn lại  - GV chấm, nhận xét. |
| **4. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - HS làm bài  6 cm2 = 400 mm2  2 m2 = 2/100 dam2  6 dam2 = 6/100 hm2  4 hm2 = 4/100 km2 | - Cho HS vận dụng kiến thức làm các bài tập sau:  6 cm2 = .... mm2  2 m2 = ..... dam2  6 dam2 = ..... hm2  4 hm2 = ..... km2 |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

----------------------------------------------------------------

***Sinh hoạt tập thể***

**TUẦN 5**

**I. MỤC TIÊU:**

Giúp HS:

- Nhận biết được ưu nhược điểm của mình và của bạn trong tuần qua ; Có ý thức khắc phục nhược điểm và phát huy những ưu điểm.

- Nắm được nhiệm vụ tuần 6

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Lớp trưởng và các tổ trưởng chuẩn bị nội dung nhận xét.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV** |
| - HS hát tập thể 1 bài.  - 3 tổ trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.  - Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.  - Theo dõi, góp ý   * Các tổ trưởng góp ý, nêu kế hoạch   Lớp trưởng tổng kết | ***Hoạt động 1:*** *Khởi động*  - Lớp hát đồng ca  ***Hoạt động 2:*** *Sinh hoạt lớp*  Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:  - 3 tổ trư­­ởng lên nhận xét hoạt động của dãy trong tuần qua.  - Các Trưởng ban Học tập, Nề nếp, Sức khỏe – Vệ sinh, Văn nghệ - TDTT báo cáo về hoạt động của Ban.  - Lớp trưởng lên nhận xét chung, xếp loại thi đua các dãy. Đề nghị danh sách tuyên dương, phê bình thành viên của lớp.  - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương, hư­ớng dẫn HS cách sửa chữa khuyết điểm.  ***Hoạt động 3:*** *Kế hoạch tuần 6*  - Ổn định nề nếp học tập và các hoạt động ngoài giờ  - Tiếp tục thi đua dạy tốt- học tốt  - Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.  - Tham gia tích cực các phong trào do nhà trường, Đội tổ chức.  ***Hoạt động 4:*** *Sinh hoạt theo chủ điểm* |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (nếu có)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………